

# Áp lực thoái vốn ở khối ngoại hạ nhiệt đáng kể

## Hoạt động giao dịch trong nước

Trong tuần vừa qua, thanh khoản trên thị trường đảo chiều giảm nhẹ. Cụ thể, tổng giá trị giao dịch trên toàn thị trường đạt 192 nghìn tỷ đồng, giảm 6.3% so với tuần trước.

Xét theo từng nhóm nhà đầu tư, hoạt động giao dịch ở nhóm cá nhân trong nước ghi nhận tăng 4.2% so với tuần trước đó trong khi hoạt động giao dịch ở nhóm tổ chức trong nước lại có sự sụt giảm, với mức giảm 12.0%.

## Hoạt động giao dịch tự doanh

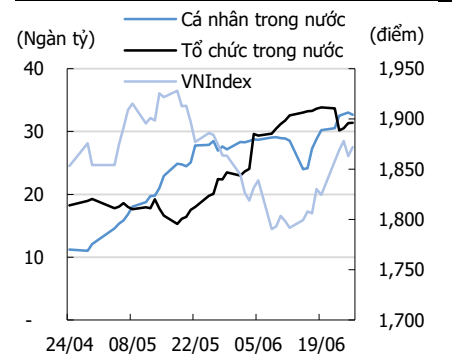
Nhóm tự doanh duy trì chuỗi hai tuần mua ròng, song giá trị mua ròng chỉ đạt ở mức nhẹ. Cụ thể, tổng giá trị bơm ròng đạt khoảng 92 tỷ đồng, giảm mạnh 92.4% so với tuần trước đó. Đáng chú ý, các mã thu hút lượng vốn vào phần lớn tập trung ở REE (+148 tỷ đồng), ACB (+127 tỷ đồng), MWG (+126 tỷ đồng), EIB (+115 tỷ đồng) và TCB (+95 tỷ đồng). Ở hướng ngược lại, các mã bị rút vốn nhiều nhất, bao gồm MCH (-257 tỷ đồng), MBB (-172 tỷ đồng), STB (-147 tỷ đồng), VHM (-64 tỷ đồng) và HPG (-64 tỷ đồng).

## Hoạt động giao dịch khối ngoại

Trong tuần vừa qua, nhóm khối ngoại duy trì chuỗi 15 tuần bán ròng liên tiếp, với tổng giá trị rút ròng chỉ ở mức 16 tỷ đồng, hạ nhiệt 99.5% so với tuần trước đó.

Trong đó, áp lực bán diễn ra chủ yếu ở các nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn như FPT (-562 tỷ đồng), CTG (-285 tỷ đồng), TCB (-280 tỷ đồng), VNM (-234 tỷ đồng) và MBB (-230 tỷ đồng). Ở hướng ngược lại, dòng tiền chủ yếu đến từ VIC (+3.2 nghìn tỷ đồng), VHM (+242 tỷ đồng), POW (+163 tỷ đồng), LPB (+117 tỷ đồng) và BMP (+76 tỷ đồng).

**Hình 1. Giá trị tích lũy ròng**



Nguồn: Fiinpro X, KIS Research  
Lưu ý: Giá trị tích lũy tính từ tháng 1/23

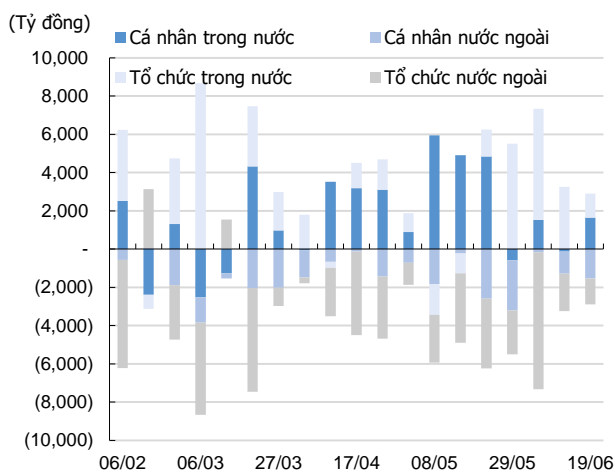
**Bảng 1: Hoạt động giao dịch theo nhóm nhà đầu tư**

Nhóm nhà đầu tư	Giá trị mua (nghìn tỷ đồng)				Giá trị bán (nghìn tỷ đồng)				Giá trị ròng (nghìn tỷ đồng)			
	1W	1M	3M	1Y	1W	1M	3M	1Y	1W	1M	3M	1Y
Tổ chức trong nước	25.3	122.1	542.4	3,234.8	27.7	114.3	525.2	3,142.8	(2.4)	7.9	17.2	92.1
Cá nhân trong nước	60.0	201.0	671.7	3,394.4	57.6	195.6	641.6	3,323.8	2.5	5.5	30.1	70.6
Tổ chức nước ngoài	8.1	34.4	109.7	568.9	7.7	44.5	142.5	695.8	0.4	(10.1)	(32.8)	(126.9)
Cá nhân nước ngoài	2.7	11.6	41.4	267.6	3.1	14.9	55.9	303.4	(0.4)	(3.3)	(14.6)	(35.8)
Tự doanh	3.2	13.5	50.4	269.5	3.2	13.2	51.0	264.1	0.1	0.3	(0.6)	5.4

Nguồn: FiinproX, KIS Research

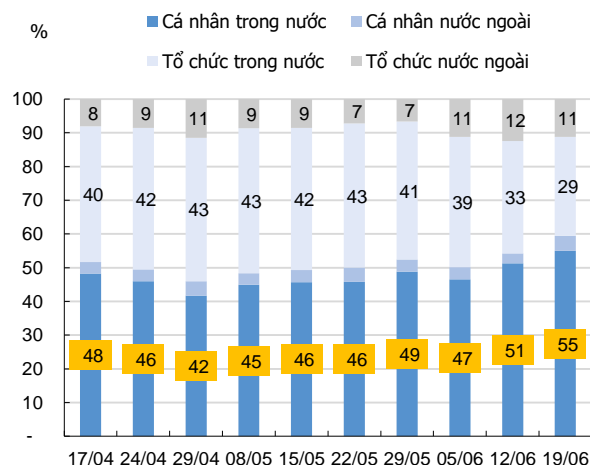
**Research Dept**  
Research@kisvn.vn

**Hình 2. Diễn biến giao dịch theo nhóm nhà đầu tư**



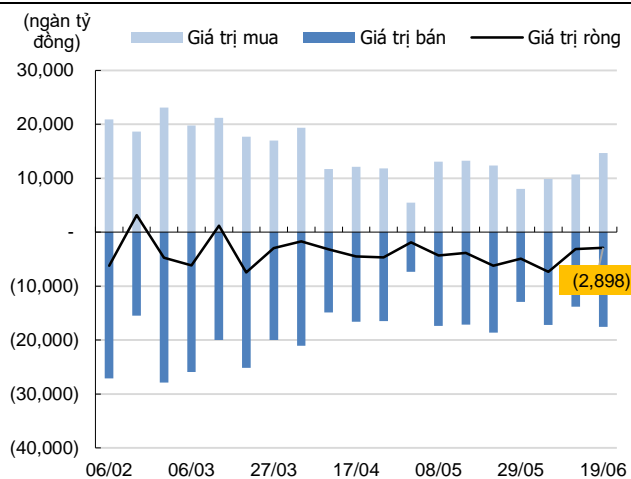
Nguồn: Fiinpro X, KIS Research

**Hình 3. Tỷ trọng giá trị giao dịch theo nhóm nhà đầu tư**



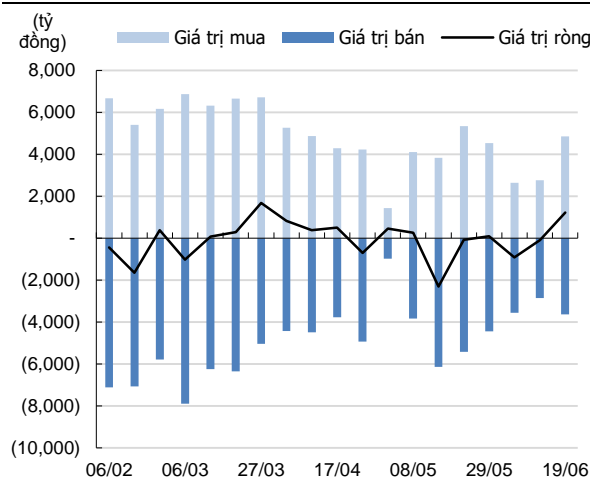
Nguồn: Fiinpro X, KIS Research

**Hình 4. Giao dịch từ nhà đầu tư nước ngoài**



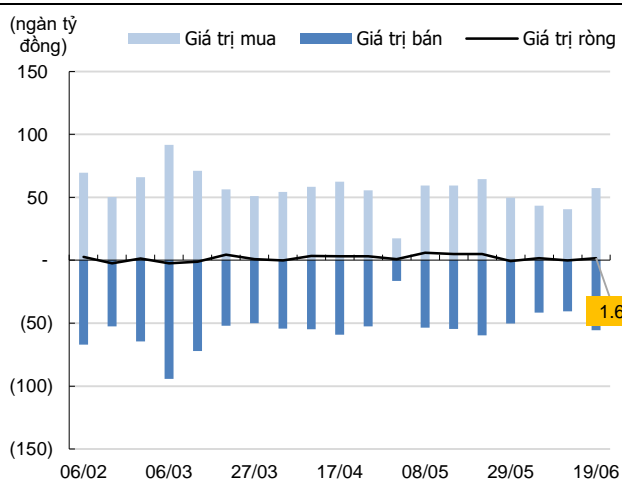
Nguồn: Fiinpro X, KIS Research

**Hình 5. Giao dịch tự doanh**



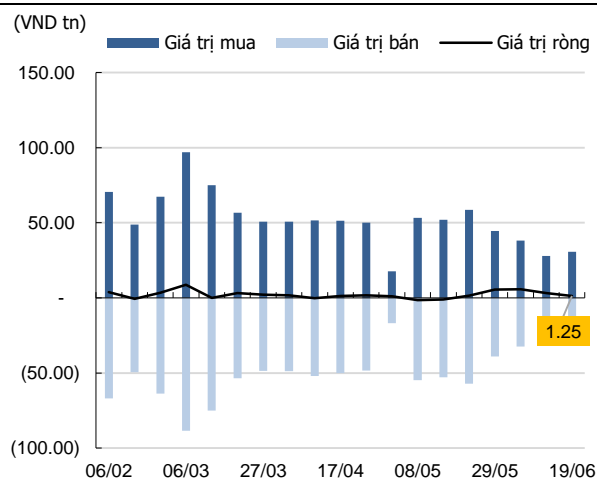
Nguồn: Fiinpro X, KIS Research

**Hình 6. Giao dịch từ nhà đầu tư cá nhân trong nước**



Nguồn: Fiinpro X, KIS Research

**Hình 7. Giao dịch từ nhà đầu tư tổ chức trong nước**



Nguồn Bloomberg, Fiinpro X, KIS Research

**Bảng 2. CP mua ròng của cá nhân trong nước** (%tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
LPB	Ngân hàng	10.4	9,479.0	(6,550.9)	2,928.1
FPT	Công nghệ Thông tin	(1.0)	1,499.6	(1,065.7)	433.9
HPG	Nguyên vật liệu	(0.4)	1,229.5	(810.1)	419.4
MBB	Ngân hàng	(1.0)	816.3	(415.5)	400.8
MCH	Hàng Tiêu dùng	1.0	455.5	(187.5)	268.0
VNM	Hàng Tiêu dùng	(1.5)	411.8	(178.8)	233.0
CTG	Ngân hàng	(0.4)	713.5	(488.4)	225.2
BSR	Dầu khí	(6.9)	884.9	(699.7)	185.2
DXG	Tài chính	(6.4)	498.8	(328.0)	170.8
MSN	Hàng Tiêu dùng	(0.8)	2,078.3	(1,910.7)	167.5

Nguồn: FiinproX, KIS Research

**Bảng 4. CP mua ròng của tổ chức trong nước** (%tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
VJC	Dịch vụ Tiêu dùng	(0.7)	610.8	(317.5)	293.3
TCB	Ngân hàng	7.9	1,176.7	(919.6)	257.1
GEX	Công nghiệp	0.5	566.3	(355.6)	210.7
FPT	Công nghệ Thông tin	(1.0)	943.0	(814.4)	128.6
KDH	Tài chính	(6.1)	265.8	(156.7)	109.1
EIB	Ngân hàng	(1.9)	673.0	(571.8)	101.2
MWG	Dịch vụ Tiêu dùng	0.6	1,212.2	(1,117.5)	94.7
VIX	Tài chính	(3.4)	1,139.1	(1,044.5)	94.6
NBB	Tài chính	2.6	90.2	(7.8)	82.4
POW	Tiện ích Cộng đồng	6.5	385.2	(305.4)	79.8

Nguồn: FiinproX, KIS Research

**Bảng 6. CP mua ròng của tổ chức nước ngoài** (%tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
VIC	Tài chính	10.9	3,227.4	(500.1)	2,727.3
VHM	Tài chính	11.5	786.4	(566.8)	219.6
POW	Tiện ích Cộng đồng	6.5	200.3	(45.6)	154.7
LPB	Ngân hàng	10.4	205.3	(73.4)	132.0
BID	Ngân hàng	(0.2)	141.1	(81.9)	59.3
ACB	Ngân hàng	1.8	141.5	(91.2)	50.4
SHB	Ngân hàng	(0.7)	88.1	(43.4)	44.7
VRE	Tài chính	2.2	160.2	(123.3)	36.9
BMP	Công nghiệp	5.4	38.4	(5.9)	32.5
DBD	Dược phẩm và Y tế	6.5	30.9	(0.0)	30.9

Nguồn: FiinproX, KIS Research

**Bảng 3. CP bán ròng của cá nhân trong nước** (%tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
VIC	Tài chính	10.9	3,345.6	(6,379.2)	(3,033.6)
VJC	Dịch vụ Tiêu dùng	(0.7)	2,049.4	(2,321.5)	(272.1)
POW	Tiện ích Cộng đồng	6.5	590.0	(833.2)	(243.2)
VHM	Tài chính	11.5	2,663.4	(2,822.7)	(159.4)
GEX	Công nghiệp	0.5	1,217.4	(1,365.8)	(148.5)
BID	Ngân hàng	(0.2)	439.0	(533.6)	(94.5)
MSB	Ngân hàng	0.6	689.9	(781.3)	(91.4)
NBB	Tài chính	2.6	2.9	(85.3)	(82.4)
VND	Tài chính	(0.6)	972.3	(1,036.4)	(64.1)
YEG	Dịch vụ Tiêu dùng	12.0	50.7	(109.4)	(58.6)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

**Bảng 5. CP bán ròng của tổ chức trong nước** (%tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
LPB	Ngân hàng	10.4	438.2	(3,483.5)	(3,045.2)
VIC	Tài chính	10.9	837.5	(1,090.1)	(252.6)
MCH	Hàng Tiêu dùng	1.0	16.7	(262.7)	(246.0)
HPG	Nguyên vật liệu	(0.4)	562.5	(757.1)	(194.6)
MBB	Ngân hàng	(1.0)	402.6	(573.2)	(170.6)
DXG	Tài chính	(6.4)	135.5	(271.8)	(136.4)
ORS	Tài chính	3.1	120.9	(244.3)	(123.4)
VHM	Tài chính	11.5	1,760.1	(1,843.5)	(83.5)
HDB	Ngân hàng	1.0	479.4	(560.1)	(80.7)
PVD	Dầu khí	1.8	206.2	(284.1)	(77.9)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

**Bảng 7. CP bán ròng của tổ chức nước ngoài** (%tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
TCB	Ngân hàng	7.9	374.0	(719.1)	(345.2)
CTG	Ngân hàng	(0.4)	44.4	(339.6)	(295.2)
FPT	Công nghệ Thông tin	(1.0)	237.0	(507.2)	(270.2)
VNM	Hàng Tiêu dùng	(1.5)	114.8	(348.7)	(233.9)
MBB	Ngân hàng	(1.0)	110.3	(317.1)	(206.8)
BSR	Dầu khí	(6.9)	36.6	(220.1)	(183.6)
MWG	Dịch vụ Tiêu dùng	0.6	187.5	(320.2)	(132.7)
SSI	Tài chính	(2.8)	83.4	(189.8)	(106.3)
HPG	Nguyên vật liệu	(0.4)	129.1	(233.0)	(103.9)
MSN	Hàng Tiêu dùng	(0.8)	50.0	(144.7)	(94.7)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

**Bảng 8. CP mua ròng của cá nhân nước ngoài** (%tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
VIC	Tài chính	10.9	786.3	(227.4)	558.9
TCB	Ngân hàng	7.9	92.5	(27.9)	64.6
BMP	Công nghiệp	5.4	62.8	(19.1)	43.7
TCX	Tài chính	4.8	38.8	(3.1)	35.7
PVD	Dầu khí	1.8	46.9	(19.0)	27.9
VHM	Tài chính	11.5	378.9	(355.6)	23.3
BVH	Tài chính	(5.1)	23.1	(2.2)	20.9
SAB	Hàng Tiêu dùng	1.1	21.5	(2.7)	18.8
ACB	Ngân hàng	1.8	85.5	(68.5)	17.0
ORS	Tài chính	3.1	16.3	(0.0)	16.3

Nguồn: FiinproX, KIS Research

**Bảng 9. CP bán ròng của cá nhân nước ngoài** (%tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
FPT	Công nghệ Thông tin	(1.0)	7.1	(299.3)	(292.2)
HPG	Nguyên vật liệu	(0.4)	15.8	(136.7)	(120.9)
VCB	Ngân hàng	(0.5)	10.4	(65.4)	(55.1)
MWG	Dịch vụ Tiêu dùng	0.6	19.5	(68.7)	(49.2)
SHB	Ngân hàng	(0.7)	0.4	(47.7)	(47.3)
MSN	Hàng Tiêu dùng	(0.8)	10.6	(56.1)	(45.6)
PC1	Công nghiệp	1.2	23.0	(65.7)	(42.6)
VIB	Ngân hàng	0.6	3.4	(41.6)	(38.2)
SSI	Tài chính	(2.8)	14.9	(52.2)	(37.3)
TPB	Ngân hàng	(0.6)	5.4	(42.7)	(37.3)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

**Bảng 10. Top 10 CP mua ròng của khối ngoại** (%tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
VIC	Tài chính	10.9	4,013.7	(727.5)	3,286.2
VHM	Tài chính	11.5	1,165.3	(922.5)	242.8
POW	Tiện ích Cộng đồng	6.5	265.5	(102.2)	163.3
LPB	Ngân hàng	10.4	268.5	(151.3)	117.1
BMP	Công nghiệp	5.4	101.2	(25.0)	76.2
ACB	Ngân hàng	1.8	227.1	(159.7)	67.4
BID	Ngân hàng	(0.2)	171.6	(116.5)	55.1
PVD	Dầu khí	1.8	87.6	(34.9)	52.7
DBD	Dược phẩm và Y tế	6.5	31.1	(0.0)	31.0
BVH	Tài chính	(5.1)	41.0	(15.5)	25.6

Nguồn: FiinproX, KIS Research

**Bảng 11. Top 10 CP bán ròng của khối ngoại** (%tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
FPT	Công nghệ Thông tin	(1.0)	244.1	(806.6)	(562.5)
CTG	Ngân hàng	(0.4)	92.0	(377.9)	(285.9)
TCB	Ngân hàng	7.9	466.4	(747.0)	(280.5)
VNM	Hàng Tiêu dùng	(1.5)	172.3	(407.2)	(234.9)
MBB	Ngân hàng	(1.0)	126.0	(356.2)	(230.2)
HPG	Nguyên vật liệu	(0.4)	144.9	(369.7)	(224.8)
MWG	Dịch vụ Tiêu dùng	0.6	207.0	(388.9)	(181.9)
BSR	Dầu khí	(6.9)	63.7	(231.2)	(167.5)
SSI	Tài chính	(2.8)	98.3	(241.9)	(143.6)
MSN	Hàng Tiêu dùng	(0.8)	60.6	(200.9)	(140.2)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

**Bảng 12. Top CP mua ròng của tự doanh** (%tuần, tỷ đồng)

Mã	Sàn	%	Mua	Bán	Ròng
REE	Tiện ích Cộng đồng	(2.4)	149.5	(1.3)	148.2
ACB	Ngân hàng	1.8	209.9	(82.6)	127.3
MWG	Dịch vụ Tiêu dùng	0.6	427.1	(300.8)	126.2
EIB	Ngân hàng	(1.9)	116.0	(0.0)	116.0
TCB	Ngân hàng	7.9	328.7	(233.4)	95.3
GEX	Công nghiệp	0.5	85.8	(1.6)	84.3
YEG	Dịch vụ Tiêu dùng	12.0	60.3	(0.0)	60.3
FPT	Công nghệ Thông tin	(1.0)	299.1	(241.1)	58.0
E1VF VN30	Tài chính	2.0	62.4	(11.0)	51.4
VIC	Tài chính	10.9	72.0	(24.9)	47.0

Nguồn: FiinproX, KIS Research

**Bảng 13. Top CP bán ròng của tự doanh** (%tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
MCH	Hàng Tiêu dùng	1.0	0.0	(257.4)	(257.4)
MBB	Ngân hàng	(1.0)	52.0	(224.6)	(172.7)
STB	Ngân hàng	1.9	139.0	(286.9)	(147.9)
VHM	Tài chính	11.5	128.9	(193.7)	(64.9)
HPG	Nguyên vật liệu	(0.4)	200.4	(264.6)	(64.1)
CTG	Ngân hàng	(0.4)	72.7	(130.5)	(57.9)
VIB	Ngân hàng	0.6	8.9	(62.8)	(53.8)
VNM	Hàng Tiêu dùng	(1.5)	25.4	(78.5)	(53.1)
NLG	Tài chính	(2.2)	0.4	(41.2)	(40.8)
SMC	Nguyên vật liệu	0.5	0.0	(19.8)	(19.8)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

## Global Disclaimer

### ■ General

This research report and marketing materials for Vietnamese securities are originally prepared and issued by the Research Center of KIS Vietnam Securities Corp., an organization licensed with the State Securities Commission of Vietnam. The analyst(s) who participated in preparing and issuing this research report and marketing materials is/are licensed and regulated by the State Securities Commission of Vietnam in Vietnam only. This report and marketing materials are copyrighted and may not be copied, redistributed, forwarded or altered in any way without the consent of KIS Vietnam Securities Corp..

This research report and marketing materials are for information purposes only. They are not and should not be construed as an offer or solicitation of an offer to purchase or sell any securities or other financial instruments or to participate in any trading strategy. This research report and marketing materials do not provide individually tailored investment advice. This research report and marketing materials do not consider individual investor circumstances, objectives or needs, and are not intended as recommendations of particular securities, financial instruments or strategies to any particular investor. The securities and other financial instruments discussed in this research report and marketing materials may not be suitable for all investors. The recipient of this research report and marketing materials must make their own independent decisions regarding any securities or financial instruments mentioned herein and investors should seek the advice of a financial adviser. KIS Vietnam Securities Corp. does not undertake that investors will obtain any profits, nor will it share with investors any investment profits. KIS Vietnam Securities Corp., its affiliates, or their affiliates and directors, officers, employees or agents of each of them disclaim any and all responsibility or liability whatsoever for any loss (director consequential) or damage arising out of the use of all or any part of this report or its contents or otherwise arising in connection therewith. Information and opinions contained herein are subject to change without notice and may differ or be contrary to opinions expressed by other business areas or KIS Vietnam Securities Corp. The final investment decision is based on the client's judgment, and this research report and marketing materials cannot be used as evidence in any legal dispute related to investment decisions.

### ■ Country-specific disclaimer

**United States:** This report is distributed in the U.S. by Korea Investment & Securities America, Inc., a member of FINRA/SIPC, and is only intended for major U.S. institutional investors as defined in Rule 15a-6(a)(2) under the U.S. Securities Exchange Act of 1934. All U.S. persons that receive this document by their acceptance thereof represent and warrant that they are a major U.S. institutional investor and have not received this report under any express or implied understanding that they will direct commission income to Korea Investment & Securities, Co., Ltd. or its affiliates. Pursuant to Rule 15a-6(a)(3), any U.S. recipient of this document wishing to affect a transaction in any securities discussed herein should contact and place orders with Korea Investment & Securities America, Inc., which accepts responsibility for the contents of this report in the U.S. The securities described in this report may not have been registered under the U.S. Securities Act of 1933, as amended, and, in such case, may not be offered or sold in the U.S. or to U.S. person absent registration or an applicable exemption from the registration requirement.

**United Kingdom:** This report is not an invitation nor is it intended to be an inducement to engage in investment activity for the purpose of section 21 of the Financial Services and Markets Act 2000 of the United Kingdom ("FSMA"). To the extent that this report does constitute such an invitation or inducement, it is directed only at (i) persons who are investment professionals within the meaning of Article 19(5) of the Financial Services and Markets Act 2000 (Financial Promotion) Order 2005 (as amended) of the United Kingdom (the "Financial Promotion Order"); (ii) persons who fall within Articles 49(2)(a) to (d) ("high net worth companies, unincorporated associations etc.") of the Financial Promotion Order; and (iii) any other persons to whom this report can, for the purposes of section 21 of FSMA, otherwise lawfully be made (all such persons together being referred to as "relevant persons"). Any investment or investment activity to which this report relates is available only to relevant persons and will be engaged in only with relevant persons. Persons who are not relevant persons must not act or rely on this report.

**Hong Kong:** This research report and marketing materials may be distributed in Hong Kong to institutional clients by Korea Investment & Securities Asia Limited (KISA), a Hong Kong representative subsidiary of Korea Investment & Securities Co., Ltd., and may not otherwise be distributed to any other party. KISA provides equity sales service to institutional clients in Hong Kong for Korean securities under its sole discretion, and is thus solely responsible for provision of the aforementioned equity selling activities in Hong Kong. All requests by and correspondence with Hong Kong investors involving securities discussed in this report and marketing materials must be affected through KISA, which is registered with The Securities & Futures Commission (SFC) of Hong Kong. Korea Investment & Securities Co., Ltd. is not a registered financial institution under Hong Kong's SFC.

**Singapore:** This report is provided pursuant to the financial advisory licensing exemption under Regulation 27(1)(e) of the Financial Advisers Regulation of Singapore and accordingly may only be provided to persons in Singapore who are "institutional investors" as defined in Section 4A of the Securities and Futures Act, Chapter 289 of Singapore. This report is intended only for the person to whom Korea Investment & Securities Co., Ltd. has provided this report and such person may not send, forward or transmit in any way this report or any copy of this report to any other person. Please contact Korea Investment & Securities Singapore Pte Ltd in respect of any matters arising from, or in connection with, the analysis or report (Contact Number: 65 6501 5600).

Copyright © 2026 KIS Vietnam Securities Corp. All rights reserved. No part of this report may be reproduced or distributed in any manner without permission of KIS Vietnam Securities Corp.